

Số: 1068 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực
Thủy sản, Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn/Cơ quan khác tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-BNN-TCTS ngày 17/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 46/TTr-SNN&PTNT ngày 23/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản, Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Cơ quan khác tỉnh Thanh Hoá (*Có Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 12/4/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục KSTTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC THỦY SẢN, THỦY LỢI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/CƠ QUAN KHÁC TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Sửa đổi 09 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản đã được công bố tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy sản và chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Cổng DVC Quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
LĨNH VỰC: THỦY SẢN						
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003650.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát	- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện

					<p>triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản.</p>	<p>thủ tục hành chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003634.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Chưa có văn bản quy định		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (1.003586.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Chưa có văn bản quy định		<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.
4	Xóa đăng ký tàu cá (1.003681.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc kể từ ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển	Chưa có văn bản quy định		<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện;

		nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa); - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 3) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn			<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; - Căn cứ pháp lý.
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (1.003666.000.00.00.H56)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa); - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn 	Chưa có văn bản quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.

					khai thác; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản.	
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915.000.00.00.H56)	- Cấp mới: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, nếu đạt yêu cầu tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở. Sau khi điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - Cấp lại: Trong thời hạn 03 ngày làm	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa); - Qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 4) tại địa chỉ: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (Thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với cơ sở sản xuất): 5.700.000 đồng/lần (Chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thủy sản; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.	- Phí, lệ phí; - Căn cứ pháp lý.

		việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
7	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) (1.003593.000.00.00.H56)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản: 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn). Tối đa không quá 700.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu 	- Căn cứ pháp lý.

					thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN						
LĨNH VỰC: THỦY SẢN						
1	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (1.003563.000.00.00.H56)	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Thanh Hóa (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Theo từng hạng mục tại Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí, lệ phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.
2	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (1.003590.000.00.00.H56)	- Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm tàu cá Thanh Hóa (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính	- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong	- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính; - Phí, lệ phí; - Mẫu đơn, mẫu tờ

		quy định; - Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.			lĩnh vực Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	khai; - Căn cứ pháp lý.
--	--	--	--	--	--	----------------------------

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa được công bố tại Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp xã/Cơ quan khác tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
LĨNH VỰC: THỦY LỢI			

1	1.004399.000.00.00.H56	Cấp giấy phép xả thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Khoản 2 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội.
2	1.003887.000.00.00.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Khoản 2 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội.